



xiě xìn

写信

verb/phrase · write a letter

Example Sentence

Tā měi tiān wǎn shàng dōu huì gěi mā ma xiě xìn

他每天晚上都会给妈妈写信。

He writes a letter to his mother every evening.

Trace each character, then write the word on your own.

写 写 写 写 写 写 写 写

信 信 信 信 信 信 信 信 信 信 信

信